

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /10/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ lò hơi đốt than công suất 03 tấn hơi/h.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ lò hơi đốt than công suất 2,5 tấn hơi/h.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải chung của 02 lò hơi công suất 03 tấn hơi/h và 2,5 tấn hơi/h.

2.2. Vị trí xả khí thải

Tọa độ: X(m) = 2245242; Y(m) = 0586816 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả khí thải

Lưu lượng xả khí thải tối đa là 35.000 m³/h.

2.4. Phương thức xả khí thải

Cưỡng bức, gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (Áp dụng hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C _{max}		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	180	6 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Công ty	Không thuộc đối tượng lắp đặt
2	CO	mg/Nm ³	1000	900		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	450		
4	NO _x	mg/Nm ³	850	765		

Khi có sự thay đổi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi được 02 quạt hút (công suất 15 kW và 7,5 kW) thu gom theo đường ống $\Phi 650$ dài 8,5 m, kết cấu thép dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải chung cho 02 lò hơi với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải → Quạt hút → Bể đập bụi → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) thoát ra môi trường qua ống khói cao 18 m (so với mặt đất).

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nguyên liệu sử dụng: Vôi bột ($\text{Ca}(\text{OH})_2$) khoảng 7,5 tấn/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống quạt hút để hạn chế tối đa các sự cố liên quan đến quạt hút có thể xảy ra.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty dừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục đường ống. Sau khi khắc phục xong sự cố, khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống xử lý đi vào vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý IV/2024 đến Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải chung của 02 lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu khí thải tại lỗ kỹ thuật trên ống khói lò hơi sau hệ thống xử lý bụi, khí thải chung của 02 lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.5 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu khí thải: Ít nhất 01 ngày/lần tại lỗ kỹ thuật trên thân ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Công ty phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Xuân Trường trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm tại mục 2.5 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đối với bụi, hơi nóng từ máy sấy: Bụi, hơi nóng từ 20 máy sấy vải được quạt hút hút theo đường ống dẫn PVC D40 về 02 bể nước kết hợp hệ thống bể phun để xử lý. Định kỳ 1 lần/tuần Công ty vệ sinh và thay nước tại bể, lượng nước thải phát sinh sẽ được đưa về trạm xử lý nước thải sản xuất xử lý.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi và hệ thống xử lý bụi, hơi nóng từ máy sấy, Công ty phải dừng ngay hoạt động của lò hơi và hoạt động sản xuất có liên quan để sửa chữa, khắc phục sự cố và báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Xuân Trường để kịp thời xử lý./.